

Tuấn He

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 2413/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 17 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp huyện,
của Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy chế phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 103/STP-TTr ngày 10 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ngành tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 22/11/2013; thay thế 04 thủ tục thuộc lĩnh vực hộ tịch (từ thủ tục 57 đến thủ tục 60), thay thế 03 thủ tục thuộc lĩnh vực chứng thực (từ thủ tục 61 đến thủ tục 63) ban hành tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; thay thế 13 thủ tục thuộc lĩnh vực tư pháp (hộ tịch) (từ thủ tục 01 đến thủ tục 13), thay thế 03 thủ tục thuộc lĩnh vực cho nhận con nuôi (từ thủ tục 14

đến thủ tục 16), thay thế 14 thủ tục thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (từ thủ tục 17 đến thủ tục 30) ban hành tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị trực thuộc để công khai tại Bộ phận một cửa; cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (BTP);
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HC.



Đinh Quốc Thái



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG NAI**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 17/8/2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I.	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	01
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	02
II.	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	
1	Thủ tục trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật	04
2	Thủ tục yêu cầu được trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng	06
3	Thủ tục trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tổ tụng	08
4	Thủ tục trợ giúp pháp lý bằng hình thức hòa giải	10
5	Thủ tục thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý	12
6	Thủ tục ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên	14
7	Thủ tục thay đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng cộng tác viên	15
8	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	16
9	Thủ tục cấp giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (tổ chức)	18
10	Thủ tục thay đổi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (tổ chức)	19
III.	Lĩnh vực bán đấu giá tài sản	
1	Thủ tục bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu, sung công	20
2	Thủ tục bán đấu giá tài sản nhà nước thanh lý	22
3	Thủ tục bán đấu giá tài sản theo ủy quyền của tổ chức, cá nhân	24
4	Thủ tục bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự	25

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
IV.	Lĩnh vực quốc tịch	
1	Thủ tục cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	27
2	Thủ tục cấp giấy xác nhận có gốc Việt Nam	29
3	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	30
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam	33
5	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam	36
V.	Lĩnh vực con nuôi	
1	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	38
2	Thủ tục công nhận việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	40
VI.	Lĩnh vực hộ tịch	
1	Thủ tục công nhận ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài	42
2	Thủ tục công nhận việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài việc kết hôn	43
3	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	45
4	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	48
5	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	50
6	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	51
7	Thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài	53
8	Thủ tục đăng ký kết hôn giữa người nước ngoài với nhau tại Việt Nam	56
9	Thủ tục đăng ký lại việc kết hôn có yếu tố nước ngoài	58
10	Thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh có yếu tố nước ngoài	59
11	Thủ tục công nhận việc đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài việc khai sinh	61

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
12	Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch có yếu tố nước ngoài	62
13	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	64
14	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	66
VII.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (quản tài viên)	
1	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	67
2	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	69
3	Thủ tục thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	71
4	Thủ tục thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên	72
5	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	73
6	Thủ tục tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	75
7	Thủ tục chấm dứt hành nghề Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	76
VIII.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (công chứng)	
1	Thủ tục đề nghị bổ nhiệm công chứng viên	77
2	Thủ tục đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng của cá nhân hoặc chuyển làm công việc khác	79
3	Thủ tục đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên	80
4	Thủ tục đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên	82
5	Thủ tục cấp lại thẻ công chứng viên	83

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
6	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng và Văn phòng công chứng hợp nhất	84
7	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng chuyển đổi	86
8	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, Văn phòng công chứng nhận Sáp nhập và Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	88
9	Thủ tục thay đổi thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	90
10	Thủ tục chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	91
IX.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (luật sư)	
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	93
2	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư	94
3	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của công ty luật TNHH một thành viên	96
4	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của công ty luật TNHH hai thành viên trở lên	98
5	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh	100
6	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư (văn phòng luật sư, công ty TNHH luật một thành viên, công ty TNHH luật hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh)	102
7	Thủ tục cấp giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	104
8	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của Cty luật TNHH 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam	106
9	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của công ty luật TNHH dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam	107
10	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	109

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
11	Thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ Công ty luật nước ngoài	110
12	Thủ tục đăng ký thành lập Văn phòng giao dịch	111
13	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	113
14	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài	114
15	Thủ tục đăng ký chuyển đổi công ty luật hợp danh, công ty luật TNHH (công ty TNHH một thành viên chuyển đổi sang hình thức công ty luật hai thành viên trở lên hoặc ngược lại)	116
16	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (văn phòng luật sư, công ty luật TNHH một thành viên, công ty luật TNHH hai thành viên, công ty luật hợp danh)	117
17	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	119
18	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư (văn phòng luật sư, công ty TNHH luật một thành viên, công ty luật hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh)	120
19	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư	121
20	Thủ tục đăng ký chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật TNHH	123
21	Thủ tục cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân	124
22	Thủ tục hợp nhất Công ty luật	126
23	Thủ tục sáp nhập Công ty luật	127
24	Thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	129
X.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (tư vấn pháp luật)	
1	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật	130

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
2	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh trung tâm tư vấn pháp luật	132
3	Thủ tục cấp thẻ tư vấn pháp luật	134
4	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của trung tâm, chi nhánh trung tâm tư vấn pháp luật	135
XI.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (trọng tài)	
1	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài	137
2	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh trung tâm trọng tài	138
3	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy phép đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài	139
4	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh trung tâm trọng tài	141
5	Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	142
6	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	144
XII.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (giám định tư pháp)	
1	Thủ tục thành lập Văn phòng giám định tư pháp	145
2	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	146
XIII.	Lĩnh vực thanh tra	
1	Thủ tục tiếp nhận và giải quyết tố cáo	148
2	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần đầu	150
3	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần hai	152
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I.	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	154
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	156

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
II.	Lĩnh vực hộ tịch	
1	Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên và bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	158
2	Thủ tục điều chỉnh nội dung các giấy tờ hộ tịch khác (không phải là giấy khai sinh)	160
3	Thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh	162
4	Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	163
III.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (công chứng)	
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	165
2	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	166
3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	168
4	Thủ tục chứng thực chữ ký của người dịch	169
5	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	170
6	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	172
7	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	173
8	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	174
9	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	175
10	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	176
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I.	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	177

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	178
II.	Lĩnh vực hộ tịch	
1	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	180
2	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	181
3	Thủ tục đăng ký kết hôn	183
4	Thủ tục đăng ký khai tử	185
5	Thủ tục đăng ký lại việc sinh, việc tử, kết hôn	186
6	Thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	187
7	Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	189
8	Thủ tục đăng ký giám hộ	190
9	Thủ tục đăng ký thay đổi, chấm dứt việc giám hộ	191
10	Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch	193
11	Thủ tục điều chỉnh nội dung các giấy tờ hộ tịch khác (không phải là giấy khai sinh)	195
III.	Lĩnh vực con nuôi	
1	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi	196
2	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi	198
3	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế	200
IV.	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (công chứng)	
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	201
2	Thủ tục chứng thực chữ ký	203
3	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	204
4	Thủ tục chứng thực di chúc	205

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
5	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản thừa kế	206
6	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	208
7	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	210
8	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	212